

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐẠO ĐỨC MÔI TRƯỜNG

Vũ Dũng

*Viện Tâm lý học.*

Môi trường và xây dựng môi trường bền vững là vấn đề toàn cầu và của mỗi nước. Trong bối cảnh phát triển kinh tế, toàn cầu hoá, hội nhập của các quốc gia, môi trường đang bị khai thác cạn kiệt, sự ô nhiễm môi trường ngày càng cao ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khoẻ của con người, đến sự phát triển bền vững của các quốc gia. Trước thực trạng trên đã có nhiều diễn đàn quốc tế được tổ chức bàn về vấn đề môi trường. Hội nghị thượng đỉnh đầu tiên về môi trường được tổ chức tại Stockhôm năm 1972. Hội nghị đã đưa ra tuyên bố chung có 7 điểm và 26 nguyên tắc cụ thể về bảo vệ môi trường. Hai mươi năm sau, năm 1992, Liên hợp quốc tổ chức Hội nghị quốc tế lần thứ 2 về môi trường tại Rio de Janeiro. Hội nghị này lần đầu tiên đã chính thức công nhận bản chất toàn vẹn, chỉnh thể và phụ thuộc lẫn nhau của Trái đất - ngôi nhà chung của chúng ta, các quốc gia phải hợp lực mang tính toàn cầu để giữ gìn và bảo vệ môi trường Trái đất. Hội nghị đã đưa ra 27 nguyên tắc hoạt động nhằm bảo vệ môi trường bền vững. Ngoài ra, Liên hợp quốc còn đưa ra một số Công ước về bảo vệ môi trường. Chẳng hạn, Công ước quốc tế về buôn bán các loại động thực vật hoang dã nguy cấp (CITES, 1972), Công ước Viên về bảo vệ tầng Ozon (Viên, 1985), Công ước BASEL về kiểm soát vận chuyển qua biên giới các phế thải nguy hiểm và việc tiêu huỷ chúng (New York, 1990), Công ước khung về thay đổi khí hậu của Liên hợp quốc (New York, 1992), Công ước về đa dạng sinh học (Rio de Janeiro, 1993), Nghị định thư Kyoto về giảm lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính làm cho Trái đất ấm dần lên (Nhật Bản, 1997) và gần đây nhất là Hội nghị thượng đỉnh về biến đổi khí hậu của Liên hợp quốc ở Copenhagen, Đan Mạch, tháng 12 năm 2009. Trong những năm qua, nhiều cuộc hội thảo quốc tế về môi trường đã được tổ chức... Có thể nói ở phạm vi quốc tế, vấn đề môi trường đã và đang được quan tâm rất lớn. Từ các hội nghị, công ước và các hội thảo quốc tế trên người ta không chỉ bàn đến thực trạng ô nhiễm môi trường ngày một đáng lo ngại, mà đã đề ra nhiều chuẩn mực về bảo vệ môi trường Trái đất. Các chuẩn mực đã phản ánh những chuẩn mực đạo đức môi trường cần thiết của mỗi cá nhân và của cộng đồng.

Ở nước ta, từ khi phát triển kinh tế thị trường, mở cửa, hội nhập quốc tế, môi trường cũng đã và đang là vấn đề thời sự có tính quốc gia. Trong mấy thập kỷ gần đây, nhiều nguồn tài nguyên của chúng ta bị khai thác cạn kiệt đến mức báo động, môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng. Chúng ta có thể đưa ra vài số liệu minh họa sau: Theo thống kê của Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng phát triển Châu Á, Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (2000), thì 82% nhà máy gây ô nhiễm nằm trong các khu dân cư; 90% số nhà máy xây dựng trước năm 1995 không có phương tiện xử lý chất thải; mức độ ô nhiễm không khí vượt tiêu chuẩn từ 2 - 5 lần; ô nhiễm bụi chì, tiếng ồn từ các phương tiện giao thông ngày càng nghiêm trọng; nếu năm 1945 độ che phủ của rừng ở Việt Nam là 45%, thì đến năm 1998 độ che phủ chỉ còn 29%; giai đoạn 1970 - 1995, mỗi năm có 350.000 ha rừng bị triệt phá, đến năm 1998 vẫn còn 150.000 ha bị triệt phá mỗi năm; 19 triệu ha (chiếm 50% đất đồng bằng) là đất suy thoái; 28 loài động vật có vú, 10 loài chim, 21 loài lưỡng cư và bò sát đang bị đe dọa, 10.837 loài động thực vật biển đang bị đe dọa v.v... Trước thực trạng trên, Đảng và Nhà nước ta đã có một số Nghị quyết, chỉ thị về bảo vệ môi trường như Nghị quyết 41 của Bộ Chính trị, ban hành Luật bảo vệ môi trường, thành lập một số cơ quan chuyên về môi trường. Tuy vậy, việc khai thác, sử dụng tài nguyên không hợp lý, sự ô nhiễm môi trường đang có xu hướng tăng và đang ở mức rất đáng lo ngại. Một trong những nguyên nhân của thực trạng trên là nhiều người dân và cộng đồng chưa có ý thức bảo vệ môi trường, chưa có các hành vi giữ gìn và bảo vệ môi trường. Hay nói cách khác là chưa hình thành ở nhiều người dân đạo đức về môi trường.

Mặt khác, các công trình nghiên cứu về đạo đức môi trường ở nước ta hiện nay rất khiêm tốn. Hầu như chúng ta vẫn chưa có những nghiên cứu một cách hệ thống về đạo đức môi trường, chưa có những đánh giá, khảo sát ở phạm vi rộng về đạo đức môi trường. Có thể nói, việc nghiên cứu về lý luận và thực trạng đạo đức môi trường, trên cơ sở đó để góp phần vào việc xây dựng và nâng cao đạo đức môi trường ở nước ta hiện nay là việc làm rất cần thiết, có ý nghĩa thực tiễn cao. Trong bài viết này chúng tôi chỉ đề cập đến một số vấn đề lý luận về đạo đức môi trường.

## **1. Khái niệm đạo đức môi trường**

Đạo đức là một hiện tượng xã hội phản ánh các mối quan hệ hiện thực bắt nguồn từ bản thân cuộc sống của con người. Trong đời sống xã hội, đòi hỏi tất yếu mỗi người phải ý thức được ý nghĩa, mục đích hoạt động của mình trong quá khứ, hiện tại và tương lai. Những hoạt động đó bao giờ cũng có sự chi phối của những quan hệ giữa các cá nhân, cá nhân và xã hội. Những mối quan hệ đó qui định giới hạn nhất định nhằm đảm bảo lợi ích của cộng đồng và xã hội. Những qui định này tự giác tạo thành động lực cho sự phát triển xã hội. Đó là các qui tắc, chuẩn mực hoàn toàn tự giác trong hành động của mỗi cá nhân

trong tất cả các quan hệ xã hội. Nói cách khác, đó chính là đạo đức của con người trong xã hội.

Đạo đức có thể định nghĩa theo các khía cạnh sau:

- Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, là tổng hợp các qui tắc, nguyên tắc, chuẩn mực xã hội nhờ nó con người tự giác điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với lợi ích và hạnh phúc của con người, với tiến bộ xã hội trong quan hệ cá nhân - cá nhân và quan hệ cá nhân - xã hội.

- Đạo đức là toàn bộ những qui tắc, chuẩn mực nhằm điều chỉnh và đánh giá cách ứng xử của con người với nhau trong quan hệ xã hội và quan hệ với tự nhiên.

- Đạo đức là hệ thống các qui tắc, chuẩn mực biểu hiện sự tự giác trong quan hệ con người với con người, con người với cộng đồng xã hội, với tự nhiên và với cả bản thân mình.

*Một số phạm trù cơ bản của đạo đức:*

Khi nghiên cứu đạo đức, chúng ta cần quan tâm đến một số phạm trù cơ bản sau:

*a) Nghĩa vụ*

Nghĩa vụ của đạo đức thể hiện ở chỗ khi con người tham gia vào hoạt động sản xuất và hoạt động sống anh ta ý thức được trách nhiệm của bản thân đối với người khác và đối với cộng đồng. Ngay từ thế kỷ XVII - XVIII, các nhà duy vật Pháp đã chỉ rõ "Nghĩa vụ đạo đức là cái tất yếu đối với tất cả mọi người thực hiện trách nhiệm của mình". Nghĩa vụ đạo đức đã xuất hiện rất sớm và nó tồn tại với thời gian, tồn tại qua các giai đoạn phát triển của lịch sử loài người. Điều đó cho thấy, ở bất kỳ chế độ xã hội nào, ở thời kỳ phát triển xã hội nào thì nghĩa vụ cũng rất cần thiết.

Nghĩa vụ thể hiện như là ý thức, tình cảm con người về mối quan hệ hài hoà giữa nhu cầu và lợi ích cá nhân với nhu cầu và lợi ích của cộng đồng, xã hội. Điều đáng chú ý là việc thực hiện nghĩa vụ đạo đức bao giờ cũng mang tính tự giác và do chính bản thân đi nhận thức rõ vấn đề. Do vậy, khi thực hiện nghĩa vụ đạo đức, con người luôn có cảm giác hạnh phúc, hài lòng vì tình cảm cao thượng, vì lòng tự trọng và phẩm giá của con người.

Nghĩa vụ đạo đức là ý thức và tình cảm của con người tự nguyện, tự giác thực hiện các hành động của mình theo các chuẩn mực chung của xã hội. Nghĩa vụ đạo đức của con người có mối liên hệ chặt chẽ với nghĩa vụ pháp lý. Nghĩa vụ đạo đức và nghĩa vụ pháp lý của con người đều có chung mục đích là nhằm điều chỉnh hành vi của con người cho phù hợp với qui tắc, chuẩn mực chung của xã hội.

Nghĩa vụ không hình thành một cách tự nhiên, nhất thời mà nó được hình thành và hoàn thiện trong cả quá trình giáo dục, tự giáo dục, rèn luyện trong hoạt động thực tiễn của mỗi cá nhân, thậm chí qua quá trình đấu tranh, thử thách của cuộc sống.

### *b) Lương tâm*

Lương tâm có thể được hiểu như tiếng nói bên trong đầy quyền uy chỉ dẫn, thôi thúc con người ta làm những điều tốt, ngăn cản, chỉ trích làm những điều xấu.

Theo quan điểm biện chứng của đạo đức học thì lương tâm là ý thức trách nhiệm và tình cảm đạo đức của cá nhân về sự tự đánh giá những hành vi, cách cư xử của mình trong đời sống xã hội. Sự hình thành lương tâm là quá trình phát triển lâu dài từ thấp đến cao trong quá trình lao động sản xuất và giao tiếp xã hội.

Có thể nêu ra các mức độ phát triển của lương tâm như sau:

- Ý thức về cái cần phải làm do sự sợ hãi bị trừng phạt bởi thiết chế xã hội hoặc ý niệm tâm linh.

- Ý thức về cái cần phải làm, cần phải tránh vì xấu hổ trước người khác và trước dư luận xã hội.

- Ý thức về cái cần phải làm vì xấu hổ với bản thân. Khi cá nhân xấu hổ với bản thân, với những hành vi của mình là bước đầu của cảm giác lương tâm. Từ cảm giác đó đến sự phán xét các suy nghĩ, hành vi của mình thì đó chính là lương tâm. Vì thế, lương tâm có quan hệ chặt chẽ với ý thức nghĩa vụ của con người.

Khi con người làm những điều xấu, độc ác thì lương tâm cắn rứt. Trái lại, khi cá nhân làm những điều tốt, cao thượng thì lương tâm thanh thản. Do vậy, trong cấu trúc của lương tâm tồn tại khái niệm xấu hổ, hối hận. Giữ cho lương tâm trong sạch là một tiêu chí hạnh phúc và tiêu chí sống của con người.

### *c) Thiện và ác*

Thiện và ác là cặp phạm trù đối lập nhau trong mọi thời đại, là thước đo đời sống đạo đức của mọi cá nhân. Thiện và ác cũng là phạm trù cơ bản làm thước đo đời sống đạo đức của con người.

Cái thiện là cái tốt đẹp biểu hiện lòng nhân ái của con người trong cuộc sống hàng ngày. Đó chính là hành vi thể hiện lợi ích của cá nhân phù hợp với yêu cầu và sự tiến bộ xã hội. Cái thiện phải được thể hiện qua việc góp phần thúc đẩy sự tiến bộ xã hội, đem lại lợi ích cho mọi người trong xã hội. Hồ Chí Minh đã nói: "Việc thiện thì dù nhỏ đến mấy cũng làm, việc ác thì dù nhỏ đến

mấy cũng tránh”<sup>(1)</sup>. Cái thiện là phần đầu cho cuộc sống của con người ngày càng trở nên cao thượng hơn, tốt đẹp hơn và giàu tính nhân văn hơn.

Cái ác là cái đáng ghét, ghê tởm, cái cần phải gạt bỏ trong đời sống cá nhân và xã hội. Cái ác làm mất đi cái văn minh, cao thượng của cuộc sống con người...

Quan điểm về thiện và ác mang tính lịch sử và có thể hoán đổi cho nhau. Cái thiện và ác được chúng ta đánh giá tùy vào nó có thúc đẩy hay cản trở sự phát triển của xã hội, hạnh phúc của con người.

Trong nghiên cứu về đạo đức môi trường, các phạm trù này cần được quan tâm vì chúng phản ánh những biểu hiện cơ bản của đạo đức môi trường. Trong việc thực hiện đạo đức môi trường các cá nhân và tổ chức cần thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm và lương tâm của mình đối với việc bảo vệ môi trường. Chính qua hành vi của con người đối với môi trường nó cũng phản ánh cái thiện và cái ác của con người, hay nói cách khác, cái cao thượng, văn minh của con người và cái xấu xa của con người.

Đạo đức môi trường là một dạng của đạo đức xã hội. Nó thể hiện quan hệ của con người đối với môi trường

Từ phân tích khái niệm đạo đức ở trên ta có thể đưa ra khái niệm đạo đức môi trường như sau:

*- Đạo đức môi trường là một hình thái ý thức xã hội, là tổng hợp các qui tắc, nguyên tắc, chuẩn mực nhờ đó con người tự giác điều chỉnh hành vi của mình với môi trường sao cho phù hợp với lợi ích và hạnh phúc của con người, với tiến bộ xã hội và với sự phát triển môi trường một cách bền vững.*

Từ định nghĩa về đạo đức môi trường ta thấy cần chú ý một số điểm sau:

- Đạo đức môi trường là toàn bộ những qui tắc, chuẩn mực điều chỉnh hành vi của con người đối với môi trường nhằm đem lại lợi ích và hạnh phúc cho con người và đảm bảo sự phát triển môi trường một cách bền vững. Đạo đức môi trường là toàn bộ những qui tắc, chuẩn mực nhằm điều chỉnh và đánh giá cách ứng xử của con người với môi trường.

- Nhờ các qui tắc và chuẩn mực này mà con người tự giác điều chỉnh hành vi của mình với môi trường. Như vậy, đạo đức môi trường thể hiện hành vi của con người đối với môi trường vừa mang tính bắt buộc và vừa mang tính tự giác.

Nó mang tính bắt buộc vì đó là những chuẩn mực và qui tắc của xã hội (những chuẩn mực dành cho mọi người). Mặt khác, môi trường liên quan đến mọi người trong cộng đồng và xã hội. Do vậy, thực hiện các chuẩn mực đối với môi trường là trách nhiệm, nghĩa vụ và lương tâm của mọi cá nhân và tổ chức

xã hội. Bảo vệ rừng đầu nguồn không chỉ để bảo vệ lợi ích trực tiếp của những người sống trực tiếp trong khu vực đó (làm cho đất không bị trôi màu, giữ không khí, môi trường sinh thái trong lành, chống lở đất, lũ quét...), mà còn bảo vệ môi trường sinh thái của các khu vực khác (đảm bảo không khí trong lành, giảm lũ lụt cho miền xuôi, góp phần phát triển bền vững của khu vực và đất nước...).

Nó mang tính tự giác vì ở đây khi cá nhân và cộng đồng thực hiện các qui tắc và chuẩn mực đối với môi trường do bị thôi thúc của lương tâm, do tự ý thức được trách nhiệm và nghĩa vụ của mình đối với môi trường. Họ nhận thức được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường vì cuộc sống của mình, của cộng đồng và xã hội. Đây là sự khác biệt của đạo đức môi trường với các hành vi đối với môi trường do yêu cầu của các qui chuẩn pháp luật - những hành vi đối với môi trường mang tính bắt buộc.

## 2. Một số tiêu chí đánh giá đạo đức môi trường

Đạo đức môi trường của cá nhân và cộng đồng không phải là cái gì đó trừu tượng, mà nó được thể hiện qua những hành vi cụ thể của con người đối với môi trường. Do vậy, đánh giá đạo đức môi trường của con người cần được đánh giá qua các hành vi ứng xử của con người đối với môi trường. Có thể đưa ra một số tiêu chí cơ bản để đánh giá hành vi đạo đức môi trường của con người hiện nay:

a. Hành vi đạo đức môi trường là hành vi thực hiện các chuẩn mực về môi trường. Nói cách khác, hành vi đạo đức môi trường trước hết phải là hành vi mang tính chuẩn mực. Trong những năm qua đã có nhiều chuẩn mực của nước ta và quốc tế về bảo vệ môi trường, đặc biệt là Luật bảo vệ môi trường để bảo vệ môi trường. Hành vi mang tính đạo đức môi trường phải là những hành vi thực hiện các chuẩn mực này để đảm bảo sự phát triển môi trường một cách bền vững. Có khía cạnh cần chú ý khi thực hiện các chuẩn mực môi trường:

- Môi trường xanh: Môi trường xanh là tiêu chuẩn cơ bản và lâu dài đối với hoạt động sản xuất, sử dụng, khai thác tài nguyên và xây dựng môi trường hiện nay. Môi trường xanh thể hiện ở các yêu cầu cụ thể sau: Chính sách xanh, công nghệ sạch, sản xuất xanh, tăng trưởng xanh, đời sống xanh, môi trường trong lành, không ô nhiễm.

- Sự phát triển của môi trường có tính bền vững.

- Hành động của con người vì môi trường tự nhiên.

- Tôn trọng sự phong phú, đa dạng của môi trường sinh thái, hệ sinh thái.

b. Ý thức về nghĩa vụ của chủ thể đối với việc bảo vệ môi trường.

c. Ý thức *tự giác, tự nguyện* của chủ thể đối với việc bảo vệ môi trường.

d. Sự tác động của *lương tâm* chủ thể đối với việc bảo vệ môi trường (tự ý thức của chủ thể về những điều cần làm để bảo vệ môi trường, sự lo sợ, sợ hãi, xấu hổ của chủ thể khi có hành vi trái với những qui định về bảo vệ môi trường, sự tự phán xét, tự đánh giá của chủ thể về những hành vi của mình đối với việc bảo vệ môi trường).

e. Việc bảo vệ môi trường gắn với việc hài hoà về lợi ích - hài hoà lợi ích của con người và lợi ích của thiên nhiên.

g. *Chia sẻ trách nhiệm* để duy trì sự toàn vẹn của môi trường toàn cầu.

Trên đây chỉ là những nghiên cứu bước đầu về một số vấn đề lý luận của đạo đức môi trường. Để có được những vấn đề lý luận về đạo đức môi trường mang tính hệ thống, chúng ta cần có những nghiên cứu sâu về cả lý luận và thực tiễn về vấn đề này. Song những vấn đề trình bày trên là những cơ sở cơ bản để xác định và đánh giá về đạo đức môi trường ở nước ta hiện nay.

### **Chú thích**

(1). Hồ Chí Minh, *Về vấn đề giáo dục*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1990, tr. 55.